BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Lý thuyết xác suất và thống kê toán - 1106002
Mã lớp học phần: 110600203 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Trương Quốc Thạch
Ngày thi: 01/12/2014 **Giờ thi: 07h30** **Phòng thi: A1.10**

Giám thị 1: Quang Minh Ký tên:
Giám thị 2: Minh Trí Ký tên:
Giám thị 3: Minh Hiếu Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1310100160	Lê Thanh	An	19/08/1995			3	ba	C15QT2	
2	1310100246	Nguyễn Thị Phương Ngọc	Ánh	16/01/1995			8	tám	C15QT2	
3	1310100223	Võ Thanh	Bình	13/11/1995					C15QT2	Nợ HP
4	1310100087	Trần Thị Ngọc	Cẩm	20/03/1995			8	tám	C15QT2	
5	1310100080	Nguyễn Thị Thiên	Dung	03/03/1994			5	năm	C15QT2	
6	1310100186	Lữ Tấn	Đạt	21/04/1995			3	ba	C15QT2	
7	1310100028	Huỳnh Thanh	Hà	07/04/1995			5	năm	C15QT2	
8	1310100006	Nguyễn Thị Hoàng	Hà	10/05/1995			5	năm	C15QT2	
9	1110060010	Đặng Thanh	Hàn	05/10/1993			8	tám	C13XD1	
10	1210140057	Ngô Văn	Hải	04/12/1992			7	bảy	C14TC1	
11	1310100092	Nguyễn Văn	Hải	06/06/1994			7	bảy	C15QT2	
12	1310100146	Vũ Ngọc	Hải	05/11/1995			8	tám	C15QT2	
13	1310100262	Vy Quốc	Hải	28/10/1995			5	năm	C15QT2	
14	1310100013	Lê Mỹ Kym	Hằng	17/03/1995			6	sáu	C15QT2	
15	1310100075	Huỳnh Lâm Ngọc	Hân	06/09/1994			8	tám	C15QT2	
16	1310100101	Dương Trung	Hiếu	29/03/1995			5	năm	C15QT2	
17	1310100039	Phạm	Hiếu	03/11/1994			5	năm	C15QT2	
18	1310100009	Đinh Thái	Hoàng	04/06/1995			6	sáu	C15QT2	
19	1310100220	Lâm Lê	Hoàng	18/11/1993			3	ba	C15QT2	
20	1310100129	Đỗ Xuân	Hòa	23/07/1990			7	bảy	C15QT2	
21	1310100155	Trần Thị Diệu	Hòa	18/06/1995			7	bảy	C15QT2	
22	1310100057	Nguyễn Diệu	Huyền	28/07/1995			7	bảy	C15QT2	
23	1310100204	Đỗ Mộng	Huỳnh	05/09/1995			7	bảy	C15QT2	
24	1310100158	Nguyễn Thị	Hương	06/10/1994			8	tám	C15QT2	
25	1310100130	Võ Tuấn	Kiệt	07/01/1995			6	sáu	C15QT2	
26	1110060027	Lê Hồng	Lâm	23/07/1992			3	ba	C13XD1	Nợ HP 0010309
27	1310100076	Hoàng Văn	Lân	01/12/1992			3	ba	C15QT2	
28	1310100217	Nguyễn Thị Trúc	Lê	07/02/1995			3	ba	C15QT2	
29	1310100121	Bùi Thị Thúy	Linh	11/08/1995			3	ba	C15QT2	
30	1310100104	Lê Kim	Linh	03/09/1994			7	bảy	C15QT2	
31	1310100190	Nguyễn Thị	Linh	07/12/1995			7	bảy	C15QT2	

32	1310100209	Huỳnh Thị My	**Ly**	18/05/1995			5	năm	C15QT2	
33	1310100103	Hứa Thị Thanh	**Mai**	19/03/1995			5	năm	C15QT2	
34	1310100191	Ma Thị Ngọc	**Mai**	12/10/1995			7	bảy	C15QT2	
35	1310100206	Nguyễn Văn	**Mỹ**	10/06/1991			5	năm	C15QT2	
36	1310100122	Lê Thị Thúy	**Nga**	10/02/1995			6	sáu	C15QT2	
37	1310100015	Bùi Thị Kim	**Ngân**	25/05/1995			6	sáu	C15QT2	
38	1310100125	Nguyễn Lê Kim	**Ngân**	22/01/1995			5	năm	C15QT2	
39	1310100060	Cao Trọng	**Nghĩa**	30/07/1995			5	năm	C15QT2	
40	1310100169	Lê Tất Mỹ	**Ngọc**	18/10/1995			9	chín	C15QT2	
41	1310100193	Nguyễn Thị Hồng	**Ngọc**	17/03/1995			3	ba	C15QT2	
42	1310100233	Lư Minh	**Nhẫn**	21/10/1995			5	năm	C15QT2	
43	1310100045	Ngô Thị Thu	**Nhi**	08/11/1995			3	ba	C15QT2	
44	1310100005	Nguyễn Thị Thảo	**Nhi**	05/12/1995			8	tám	C15QT2	
45	1310100085	Nguyễn Thị Ý	**Nhi**	23/04/1995			4	bốn	C15QT2	
46	1310100066	Quách Huỳnh Yến	**Nhi**	01/10/1994			6	sáu	C15QT2	
47	1310100063	Trần Thị Kim	**Nhung**	03/07/1995			5	năm	C15QT2	
48	1210090331	Vương Ngọc	**Oanh**	04/12/1994			7	bảy	C14QT3	
49	1310100095	Nguyễn Hồng	**Phấn**	12/11/1995			9	chín	C15QT2	
50	1310100145	Nguyễn Văn	**Phi**	08/07/1995			3	ba	C15QT2	
51	1310100020	Nguyễn Văn	**Phúc**	09/04/1995			3	ba	C15QT2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên ... bài

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Lý thuyết xác suất và thống kê toán - 1106002
Mã lớp học phần: 110600203 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Trương Quốc Thạch
Ngày thi: 01/12/2014 **Giờ thi: 07h30** **Phòng thi: A1.9**

Giám thị 1: Ng V. Hinh Ký tên:
Giám thị 2: Trần Thị Hoa Ký tên:
Giám thị 3: M. Trung. Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1310100219	Nguyễn Giang Tiểu	**Phụng**	01/05/1995			4	bốn	C15QT2	
2	1310100167	Lê Thị Thanh	**Phương**	04/03/1995			9	chín	C15QT2	
3	1210090351	Phạm Thị Thu	**Phương**	22/11/1994			8	tám	C14QT3	
4	1310100068	Nguyễn Thành	**Phước**	20/06/1995			3	ba	C15QT2	
5	1210090342	Nguyễn Thị Tuyết	**Phượng**	27/04/1994			3	ba	C14QT3	
6	1310100154	Đặng Vinh	**Quang**	04/10/1994			3	ba	C15QT2	
7	1310100177	Trần Văn	**Quí**	04/07/1995			3	ba	C15QT2	
8	1310100027	Võ Văn	**Quốc**	13/03/1995			3	ba	C15QT2	
9	1310100159	Lê Hoàng	**Sang**	03/09/1995			5	năm	C15QT2	
10	1310100070	Đặng Thị Huyền	**Sanh**	01/05/1995			9	chín	C15QT2	
11	1310100102	Lê Thị Thu	**Sáng**	24/01/1995			4	bốn	C15QT2	
12	1310100153	Nguyễn Thành	**Tài**	18/02/1995			4	bốn	C15QT2	
13	1310100183	Nguyễn Trần Trúc	**Tâm**	21/06/1995			7	bảy	C15QT2	
14	1310100140	Huỳnh Ngọc	**Tân**	18/06/1990			—	—	C15QT2	Nợ HP √
15	1310100111	Nguyễn Thị	**Tha**	04/05/1995			4	bốn	C15QT2	
16	1310100001	Đỗ Thị Thu	**Thảo**	27/12/1995			4	bốn	C15QT2	
17	1310100188	Hồ Thị	**Thắm**	17/09/1995			7	bảy	C15QT2	
18	1310100147	Mai Thị Kim	**Thi**	10/06/1995			6	sáu	C15QT2	
19	1310100231	Nguyễn Thị Minh	**Thi**	24/09/1995			5	năm	C15QT2	
20	1310100143	Phan Nguyễn Minh	**Thoa**	22/02/1994			8	tám	C15QT2	
21	1310100115	Trần Diệu	**Thơ**	27/07/1995			5	năm	C15QT2	
22	1310100214	Đồng Thị Thu	**Thủy**	30/01/1995			3	ba	C15QT2	
23	1310100029	Trang Thị Thanh	**Thủy**	23/12/1994			3	ba	C15QT2	
24	1310100069	Trần Thị Thu	**Thủy**	10/05/1994			4	bốn	C15QT2	
25	1310100200	Huỳnh Thị	**Thường**	20/12/1995			6	sáu	C15QT2	
26	1210090497	Nguyễn Nữ Nhật	**Tiên**	19/09/1993			9	chín	C14QT5	
27	1310100263	Trần Thị Cẩm	**Tiên**	12/11/1993			7	bảy	C15QT2	
28	1310100174	Trần Thị Thủy	**Tiên**	22/01/1995			6	sáu	C15QT2	
29	1310100197	Bùi Thị	**Trang**	15/03/1995	—	—	—	—	C15QT2	
30	1310100135	Trương Nguyễn Thùy	**Trang**	04/01/1994			7	bảy	C15QT2	√
31	1310100012	Vũ Thị Thiên	**Trang**	10/06/1995			9	chín	C15QT2	
32	1310100201	Dương Thị Bích	**Trâm**	18/09/1995			8	tám	C15QT2	

33	1310100196	Lê Thị Thanh	**Trâm**	02/09/1995			5	năm	C15QT2	Nợ HP
34	1210090510	Mai Phan Bảo	**Trâm**	25/08/1994			5	năm	C14QT5	
35	1310100137	Nguyễn Thị Bảo	**Trân**	10/12/1994			4	bốn	C15QT2	
36	1310100189	Dương Ngọc Phương	**Trinh**	29/06/1994			7	bảy	C15QT2	
37	1310100131	Lương Thị Ngọc	**Trinh**	20/02/1995			6	sáu	C15QT2	
38	1310100034	Trần Trọng	**Trung**	13/11/1995			6	sáu	C15QT2	
39	1310100128	Nguyễn Nhật	**Trường**	10/10/1995			3	ba	C15QT2	
40	1310100149	Nguyễn Mộng	**Tuyền**	06/08/1995			3	ba	C15QT2	
41	1310100072	Nguyễn Thị Thanh	**Tuyền**	06/01/1995			6	sáu	C15QT2	
42	1310100172	Nguyễn Thị Thanh	**Tuyền**	01/03/1994			9	chín	C15QT2	
43	1310100260	Trần Thị Phương	**Tuyền**	30/12/1995			5	năm	C15QT2	
44	1310100002	Nguyễn Minh	**Tùng**	24/10/1995			3	ba	C15QT2	
45	1210090573	Nguyễn Thị Thu	**Vân**	20/06/1994			4	bốn	C14QT5	
46	1210090577	Lê Chí	**Vinh**	15/06/1993					C14QT5	Nợ HP
47	1210090584	Nguyễn Hoàng	**Vũ**	26/09/1994			5	năm	C14QT5	Nợ HP (đã nộp)
48	1210090591	Nguyễn Thị Yến	**Vy**	22/12/1994					C14QT5	Nợ HP
49	1210090593	N Jan Thượng	**Vỹ**	05/03/1993					C14QT5	Nợ HP
50	1310100032	Hứa Phạm Hoàng	**Yến**	18/12/1995			5	năm	C15QT2	
51	1310100134	Nguyễn Thị Hải	**Yến**	21/06/1995			9	chín	C15QT2	
52	1310100036	Vũ Hoàng Ngọc	**Yến**	22/2/1995			8	tám	C15QT2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với ...